

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU DAVI
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU DAVI

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: DAVI EXPORT IMPORT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0110382993

3. Ngày thành lập: 09/06/2023

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà 42, ngõ 83 đường Đại Đồng, Xã Đại Đồng, Huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0865020235

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: - Đại lý bán hàng hóa - Môi giới mua bán hàng hóa (Trừ môi giới chứng khoán, môi giới bảo hiểm, trừ đấu giá)	4610
2.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Trừ loại nhà nước cấm)	4620(Chính)
3.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
4.	Bán buôn thực phẩm	4632
5.	Bán buôn đồ uống	4633
6.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh - Bán buôn dược phẩm - Bán buôn khẩu trang, gang tay y tế,... - Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự	4649

7.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); - Bán buôn máy móc, thiết bị y tế - Bán buôn máy công cụ điều khiển bằng máy vi tính; - Bán buôn các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu - Bán buôn pin năng lượng mặt trời, máy nước nóng năng lượng mặt trời, máy phát điện năng lượng mặt trời, máy biến thế năng lượng mặt trời, thiết bị điện năng lượng mặt trời; - Bán buôn máy móc, thiết bị vật liệu điện: Tổ máy phát điện, máy phát điện, động cơ điện, máy biến thế, dây điện, rơ le, cầu dao, cầu chì, thiết bị mạch điện khác và máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện khác;	4659
8.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (không bao gồm động vật, thực vật, hóa chất bị cấm theo quy định của Luật Đầu tư)	4669
9.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
10.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
11.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
12.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
13.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
14.	Săn bắt, đánh bắt và hoạt động dịch vụ có liên quan	0170
15.	Khai thác thủy sản biển	0311
16.	Khai thác thủy sản nội địa	0312
17.	Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi	8220
18.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (Không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ, không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh)	8230
19.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (Trừ đấu giá) Chi tiết: Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa	8299
20.	Lập trình máy vi tính	6201
21.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
22.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
23.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan (Không bao gồm hoạt động cung cấp hạ tầng thông tin cho thuê)	6311
24.	Cổng thông tin (Trừ hoạt động báo chí)	6312

25.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Các dịch vụ thông tin qua điện thoại; - Các dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua hợp đồng hay trên cơ sở phí	6399
26.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (không bao gồm các dịch vụ tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kế toán, kiểm toán, chứng khoán)	6619
27.	Quảng cáo (Loại trừ quảng cáo thuốc lá)	7310
28.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (Không bao gồm dịch vụ điều tra và thông tin Nhà nước cấm)	7320
29.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng (Trừ thiết kế công trình xây dựng)	7410
30.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu (Trừ hoạt động của những nhà báo độc lập; trừ hoạt động thanh toán hồi phiếu và thông tin tỷ lệ lượng; trừ hoạt động tư vấn chứng khoán)	7490
31.	Bán buôn tổng hợp (Trừ loại Nhà nước cấm)	4690
32.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
33.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
34.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
35.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
36.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
37.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
38.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
39.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
40.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
41.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
42.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
43.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
44.	Sản xuất đường	1072
45.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
46.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
47.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
48.	Sản xuất chè	1076
49.	Sản xuất cà phê	1077
50.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079

51.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
52.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ Chi tiết: Sản xuất phân bón	2012
53.	Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hoá chất khác dùng trong nông nghiệp Chi tiết: Sản xuất thuốc bảo vệ thực vật	2021
54.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh Chi tiết: - Sản xuất mỹ phẩm - Sản xuất xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
55.	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu Chi tiết: - Sản xuất thuốc, nguyên liệu làm thuốc - Sản xuất thuốc cổ truyền	2100
56.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
57.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
58.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
59.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ hoạt động đấu giá)	4774
60.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ Chi tiết: - Bán lẻ sách, truyện, báo, tạp chí; - Bán lẻ đĩa ghi âm thanh, hình ảnh	4789
61.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ đấu giá)	4791
62.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (Trừ đấu giá)	4799
63.	Xuất bản phần mềm (Trừ hoạt động xuất bản phẩm)	5820
64.	Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình (Trừ hoạt động liên kết sản xuất chương trình đối với các chương trình phát thanh, truyền hình thời sự - chính trị)	5911
65.	Hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình (Trừ hoạt động liên kết phát hành chương trình đối với các chương trình phát thanh, truyền hình thời sự - chính trị)	5913
66.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng Chi tiết: Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế	3250
67.	Sản xuất điện	3511
68.	Lắp đặt hệ thống điện	4321

69.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh (Không bao gồm kinh doanh thiết bị, phần mềm ngay trang dùng để ghi âm, ghi hình, định vị)	4741
70.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
71.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
72.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
73.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh - Cơ sở bán lẻ thuốc - Bán lẻ trang thiết bị y tế trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
74.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ bán lẻ vàng, bán lẻ súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao; bán lẻ tem và tiền kim khí)	4773

6. Vốn điều lệ: 3.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 300.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN QUANG HÙNG	Thôn 4, Xã Đại Đồng, Huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	150.000	1.500.000.000	50,000	0010930240 57	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	150.000	1.500.000.000	50,000		
2	VŨ MẠNH CƯỜNG	Thôn 3, Xã Đại Đồng, Huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	75.000	750.000.000	25,000	0010930185 54	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	75.000	750.000.000	25,000		

3	PHAN CÔNG LÝ	Thôn 6, Xã Hương Thủy, Huyện Hương Khê, Tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	75.000	750.000.000	25,000	042093007697
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	75.000	750.000.000	25,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN QUANG HÙNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 23/05/1993

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001093024057

Ngày cấp: 24/07/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn 4, Xã Đại Đồng, Huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn 4, Xã Đại Đồng, Huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội